

trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

**Điều 23.** Ngoài các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ còn phải thực hiện các quy định về: phổ biến, nghiên cứu tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật mang bí mật nhà nước; đăng ký các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước; quản lý khu vực, địa điểm thuộc phạm vi bí mật nhà nước; bảo vệ các khu vực, địa điểm cấm, nơi cất giữ, nơi tiến hành các hoạt động có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước; bảo vệ bí mật mật mã quốc gia; bảo vệ bí mật nhà nước khi truyền đi bằng phương tiện thông tin liên lạc; bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động xuất bản, báo chí và thông tin đại chúng khác; xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước; thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước... theo quy định tại Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước và Thông tư số 12/2002/TT-BCA (A11) ngày 13/9/2002 của Bộ Công an.

**Điều 24.** Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, nội dung, khối lượng công việc, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan đến bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực nông

nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ bí mật nhà nước tại Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 25.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan đến bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức kiểm tra (định kỳ hoặc đột xuất) công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý theo thẩm quyền được giao, kịp thời phát hiện và khắc phục những thiếu sót, sơ hở đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp quản lý để có biện pháp xử lý kịp thời./.

Q. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**Cao Đức Phát**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ số 100/2004/TT-BTC**  
ngày 20/10/2004 hướng dẫn về  
thuế giá trị gia tăng và thuế  
thu nhập doanh nghiệp đối  
với lĩnh vực chứng khoán.

*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số  
02/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm*



1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 07/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi số 09/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

## I. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm:

- Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký;

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư chứng khoán tại Việt Nam;

- Quỹ đầu tư chứng khoán.

## II. VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;

- Tự doanh chứng khoán;

- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;

- Bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán;

- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán do công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ cung cấp cho khách hàng trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán, tái cơ cấu tài chính, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc phát hành và niêm yết chứng khoán;

- Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;

- Giám sát Quỹ đầu tư chứng khoán;

- Lưu ký chứng khoán;

- Đại diện người sở hữu trái phiếu;

- Các hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán không chịu thuế giá trị gia tăng nêu tại điểm 1 Mục II Thông tư này không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động không chịu thuế giá trị gia tăng.



Trường hợp hoạt động không chịu thuế giá trị gia tăng cần sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng thì trên hóa đơn chỉ ghi dòng “giá bán” là giá không có thuế giá trị gia tăng, dòng “thuế suất” và “số thuế giá trị gia tăng” không ghi và gạch chéo.

### III. VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

**1. Đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ** (sau đây gọi chung là công ty):

**1.1. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định bằng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế nhân với (x) thuế suất.

**1.1.1. Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế được xác định theo công thức sau:**

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	=	Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	-	Chi phí hợp lý trong kỳ tính thuế	+	Thu nhập chịu thuế khác
--	---	---	---	---	---	-------------------------------------

**1.1.1.1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế:** là các khoản phí thu được từ việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng, doanh thu từ hoạt động tự doanh, bao gồm:

a) Phí dịch vụ môi giới chứng khoán;

b) Phí quản lý danh mục đầu tư;  
c) Phí bảo lãnh và phí đại lý phát hành;  
d) Phí tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;

đ) Phí quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các khoản tiền thưởng cho công ty quản lý quỹ;

e) Phí phát hành chứng chỉ quỹ trả cho công ty quản lý quỹ;

g) Phí thù lao hội đồng quản trị nhận được do tham gia hội đồng quản trị của các công ty khác.

h) Chênh lệch giá chứng khoán mua bán trong kỳ, thu lãi trái phiếu (trừ các loại trái phiếu được miễn thuế theo quy định của pháp luật) từ hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của công ty quản lý quỹ.

i) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

**1.1.1.2. Các khoản chi phí hợp lý** được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ: là các khoản chi phí để thực hiện việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng, các khoản chi phí cho hoạt động tự doanh, bao gồm:

a) Chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

a.1. Tài sản cố định được trích khấu hao vào chi phí hợp lý phải đáp ứng các điều kiện sau:



- Tài sản cố định phải sử dụng vào kinh doanh.

- Tài sản cố định phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của công ty.

- Tài sản cố định phải được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của công ty theo chế độ quản lý và hạch toán kế toán hiện hành.

a.2. Mức trích khấu hao tài sản cố định được tính vào chi phí hợp lý theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 02 lần mức khấu hao theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải; dụng cụ quản lý. Khi thực hiện khấu hao nhanh công ty phải đảm bảo có lãi.

a.3. Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn tiếp tục được dùng vào kinh doanh thì không được trích khấu hao.

b) Chi phí vật tư, dụng cụ;

c) Chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và tiền ăn giữa ca:

c.1. Chi phí tiền lương của công ty bao gồm các khoản tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và được xác định như sau:

- Đối với công ty là doanh nghiệp Nhà nước: Chi phí tiền lương phải trả cho người lao động được xác định căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hướng dẫn về chế độ tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp theo quy định của Bộ Luật Lao động.

- Đối với các công ty khác: Chi phí tiền lương phải trả cho người lao động căn cứ vào hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.

Hàng năm, công ty phải đăng ký tổng quỹ lương với cơ quan thuế.

c.2. Chi phí tiền ăn giữa ca do giám đốc công ty quyết định phù hợp với hiệu quả kinh doanh, nhưng phải đảm bảo mức chi hàng tháng cho mỗi người lao động không vượt quá mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định đối với công chức Nhà nước.

d) Chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định;

đ) Chi đào tạo nghiệp vụ theo chế độ quy định;

e) Chi phí dịch vụ mua ngoài như phí bưu điện, bảo dưỡng và sửa chữa tài sản cố định; phí sử dụng hệ thống thiết bị của Trung tâm Giao dịch chứng khoán; phí trả cho tổ chức giám sát, kiểm toán;

09088522

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



chi phí tư vấn pháp luật, soạn thảo hợp đồng kinh tế; chi phí thuê chuyên gia và các dịch vụ mua ngoài khác;

g) Chi trang phục giao dịch, mức chi không quá 500.000 đồng/người/năm;

h) Tiền mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm tai nạn con người;

i) Công tác phí, bao gồm chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú;

k) Phí niên liễm Hiệp hội;

l) Phí thành viên Trung tâm Giao dịch chứng khoán (đối với công ty là thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán);

m) Phí lưu ký chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán;

n) Phí niêm yết và đăng ký chứng khoán (đối với công ty phát hành chứng khoán niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán);

Mức dự phòng giảm giá chứng khoán cho năm kế hoạch	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm 31/12 năm báo cáo	x
--	---	--	---

x) Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị và các khoản chi phí khác theo số thực chi nhưng tối đa không quá 10% trên tổng

o) Chi nghiệp vụ kho quỹ;

p) Chi phí liên quan tới việc quản lý quỹ đầu tư, danh mục đầu tư;

q) Chi phí huy động vốn cho quỹ đầu tư;

r) Chi phí chăm sóc, thông tin liên lạc các nhà đầu tư;

s) Chi phí thù lao cho hội đồng quản trị;

t) Chi cho lao động nữ theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính;

u) Chi trả lãi tiền vay theo lãi suất thực tế khi ký hợp đồng vay, nhưng tối đa không quá 1,2 lần mức lãi suất cho vay cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với công ty;

v) Trích dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh:

Mức trích tính trên cơ sở tổng hợp mức dự phòng từng loại chứng khoán bị giảm giá theo công thức sau:

$$\left( \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá đóng cửa ngày} \\ \text{31/12 (hoặc giá đóng} \\ \text{cửa gần nhất nếu ngày} \\ \text{31/12 không phải là} \\ \text{ngày giao dịch)} \end{array} \right)$$

các khoản chi phí hợp lý từ tiết a đến tiết v của điểm 1.1.1.2 này;

y) Các khoản thuế (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp), phí và lệ phí phải nộp



theo quy định có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

1.1.1.3. Không được hạch toán vào chi phí hợp lý các khoản sau:

a) Các khoản thiệt hại đã được Chính phủ trợ cấp hoặc bên gây thiệt hại, cơ quan bảo hiểm đền bù;

b) Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ vay quá hạn và các vi phạm khác;

c) Các khoản chi từ quỹ phúc lợi, khen thưởng;

d) Các khoản trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất;

đ) Chi ủng hộ đoàn thể, xã hội, cơ quan khác, chi từ thiện;

e) Chi đầu tư xây dựng cơ bản;

g) Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ;

h) Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ theo chế độ quy định hoặc chứng từ không hợp pháp.

1.1.1.4. Thu nhập chịu thuế khác:

Các khoản thu nhập chịu thuế khác trong kỳ tính thuế bao gồm: lãi tiền gửi; thu từ cho thuê tài sản; thu thanh lý, nhượng bán tài sản sau khi đã trừ giá trị còn lại của tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thanh lý, nhượng bán tài sản; các khoản thu tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế sau khi đã trừ tiền bị phạt

vi phạm hợp đồng kinh tế; các khoản nợ đã xóa sổ kế toán nay thu hồi được; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ; thu hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết và các khoản thu nhập chịu thuế khác.

1.1.1.5. Kỳ tính thuế và thời gian chuyển lỗ:

Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch. Trường hợp công ty áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng. Kỳ tính thuế đầu tiên đối với công ty mới thành lập và kỳ tính thuế cuối cùng đối với công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Sau khi xác định thu nhập chịu thuế theo công thức nêu trên, công ty được trừ số lỗ của các kỳ tính thuế trước chuyển sang để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.

1.1.2. Thuế suất:

Công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh.



Hết thời hạn hưởng thuế suất 20%, công ty phải chuyển sang nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 28%.

Trường hợp công ty đã đi vào hoạt động kinh doanh và đã thực hiện kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 32% (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước) hoặc theo thuế suất 25% (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam) thì kể từ năm tài chính 2004 được chuyển sang áp dụng thuế suất 20% cho khoảng thời gian còn lại. Khoảng thời gian còn lại bằng (=) thời gian được áp dụng thuế suất 20% trừ đi (-) thời gian đã hoạt động.

*Ví dụ:* Năm 2000 Công ty chứng khoán X khai trương hoạt động đặt trụ sở tại nội thành Hà Nội. Trước năm 2004, Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 32%. Từ năm tài chính 2004 Công ty được chuyển sang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đến hết năm tài chính 2009. Kể từ năm tài chính 2010, Công ty phải chuyển sang áp dụng thuế suất 28%.

## **1.2. Thời gian miễn, giảm thuế:**

**1.2.1. Công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán mới thành lập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, kể từ khi có thu**

nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Năm miễn thuế, giảm thuế được xác định phù hợp với kỳ tính thuế. Thời gian miễn giảm thuế được tính liên tục kể từ kỳ tính thuế công ty bắt đầu có thu nhập chịu thuế (chưa trừ số lỗ các kỳ tính thuế trước chuyển sang). Trường hợp trong kỳ tính thuế đầu tiên công ty đã có thu nhập chịu thuế nhưng thời gian hoạt động kinh doanh chưa đến 12 tháng thì công ty có quyền đăng ký với cơ quan thuế để tính thời gian miễn, giảm thuế ngay trong kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc tính từ kỳ tính thuế tiếp theo.

**1.2.2. Các công ty thành lập trước ngày 01/01/2004 đã thực hiện miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì tiếp tục được hưởng đủ thời gian miễn, giảm thuế nêu tại tiết 1.2.1 điểm này.**

Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với công ty hạch toán kinh tế độc lập, thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ; đã đăng ký thuế và nộp thuế theo kê khai.

## **2. Đối với các tổ chức đầu tư chứng khoán (không phân biệt chứng khoán niêm yết hay chưa niêm yết):**

**2.1. Các tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập** gồm các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, hoạt động kinh doanh trên mọi lĩnh vực (trừ Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ) có



thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, như doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp tham gia đầu tư chứng khoán: hoạt động đầu tư chứng khoán tại các tổ chức này là hoạt động tài chính, do vậy, thu nhập từ đầu tư chứng khoán trong kỳ tính thuế phải gộp chung với thu nhập từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định chung.

Thu nhập chịu thuế từ đầu tư chứng khoán trong kỳ tính thuế được xác định bằng tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ trừ (-) tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ trừ (-) chi phí mua bán chứng khoán cộng (+) lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu. Khoản thu nhập chịu thuế này không bao gồm phần lợi tức được chia đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ các loại trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật.

**2.2. Các tổ chức khác** (trừ tổ chức nêu tại tiết 2.1 điểm này, Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, Quỹ đầu tư chứng khoán) kể cả quỹ đầu tư của nước ngoài chỉ mở tài khoản tại Việt Nam mà không có sự hiện diện tại Việt Nam tham gia đầu tư chứng khoán: thực hiện nộp

thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán. Số thuế phải nộp được xác định bằng 0,1% tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng (chúng chỉ Quỹ đầu tư thực hiện tính thuế như cổ phiếu, các loại trái phiếu khi chuyển nhượng không tính thuế thu nhập doanh nghiệp). Phần lợi tức được chia đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ các loại trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật của các tổ chức này không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Phương thức thu, nộp thuế khoán như sau:

+ Đối với cổ phiếu niêm yết: Công ty chứng khoán có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp và thay mặt tổ chức đầu tư kê khai (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này), nộp thuế và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo hướng dẫn tại điểm 1 Mục IV Thông tư này.

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết:

+ Trường hợp công ty cổ phần ủy quyền cho Công ty chứng khoán quản lý toàn bộ danh sách cổ đông và thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu giữa các nhà đầu tư, giữa công ty với các tổ chức đầu tư thì việc khấu trừ tiền thuế và thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế với cơ quan thuế cũng được



thực hiện như đối với trường hợp cổ phiếu niêm yết.

+ Trường hợp công ty cổ phần không ủy quyền cho Công ty chứng khoán quản lý danh sách cổ đông, quản lý đăng ký chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chỉ ủy quyền quản lý một bộ phận danh sách cổ đông để đăng ký chuyển nhượng, chi trả cổ tức (ví dụ trong trường hợp quản lý danh sách cổ đông ở ngoài hoặc ở xa công ty) thì các công ty cổ phần này có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế và thay mặt tổ chức đầu tư kê khai (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này), nộp thuế, quyết toán thuế với cơ quan thuế theo hướng dẫn tại điểm 1 Mục IV Thông tư này.

Trường hợp các tổ chức đầu tư chứng khoán tại tiết 2.1, 2.2 điểm này thực hiện đầu tư chứng khoán qua Quỹ đầu tư chứng khoán thì thực hiện nộp thuế thu nhập theo hướng dẫn tại điểm 3 Mục III Thông tư này.

### **3. Đối với các Quỹ đầu tư chứng khoán:**

Quỹ đầu tư chứng khoán không thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi Quỹ đầu tư chứng khoán chia lợi tức cho các nhà đầu tư thì phần lợi tức được chia của tổ chức đầu tư (không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hay tổ chức đầu tư nước ngoài) phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (trừ phần lợi tức được chia đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở

khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật).

Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% và kê khai (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này), nộp thuế và quyết toán thuế theo hướng dẫn tại điểm 1 Mục IV Thông tư này. Riêng tổ chức đầu tư nêu tại tiết 2.1 điểm 2 Mục III Thông tư này được lựa chọn phương thức tự nộp thuế bằng cách gộp chung với thu nhập từ hoạt động kinh doanh của tổ chức đó để tính và nộp thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành; tổ chức đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán về việc tự nộp thuế để không bị khấu trừ phần thuế tương ứng.

*Ví dụ:* Tháng 3/2004, Công ty Xi măng Hoàng Tiến đầu tư 200 triệu đồng vào Quỹ đầu tư chứng khoán. Tháng 12/2005, Quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chia lợi tức. Công ty Hoàng Tiến được chia 10 triệu đồng, trong đó có 2 triệu đồng là cổ tức đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp mà Quỹ tham gia đầu tư. Như vậy, trong số 10 triệu đồng lợi tức mà Công ty Hoàng Tiến được chia có 8 triệu đồng phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện khấu trừ tiền thuế 20% của 8 triệu đồng tương ứng với



số tiền là 1,6 triệu đồng và thay mặt Công ty Hoàng Tiến nộp vào ngân sách nhà nước. Trường hợp Công ty Hoàng Tiến là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập thì có thể chọn phương thức tự nộp bằng cách nhận đủ 10 triệu đồng để nộp 8 triệu đồng với thu nhập từ kinh doanh của Công ty và thực hiện kê khai, tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Công ty Hoàng Tiến phải thông báo cho Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán biết việc chọn phương thức tự nộp thuế để không bị khấu trừ phần thuế tương ứng.

#### 4. Đối với cá nhân đầu tư chứng khoán:

Cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư chứng khoán tại Việt Nam tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch mua bán chứng khoán và các khoản thu nhập khác từ đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế và xử lý vi phạm về thuế đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Riêng Công ty chứng khoán, Công ty

quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty cổ phần thực hiện khấu trừ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thay cho tổ chức đầu tư thì thực hiện kê khai, quyết toán thuế với cơ quan thuế trực tiếp quản lý Công ty (theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này) và nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước. Việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế được thực hiện trong vòng 30 ngày, kể từ ngày phát sinh thu nhập chịu thuế của tổ chức đầu tư.

2. Công ty chứng khoán, Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty cổ phần thực hiện việc khấu trừ tiền thuế của tổ chức đầu tư và kê khai, nộp thuế thay cho các nhà đầu tư được hưởng một khoản thù lao bằng 0,8% tính trên số tiền thuế thực tế thu được, tối đa không quá 50 triệu đồng cho một lần kê khai, nộp thuế. Số tiền thù lao này được khấu trừ từ số tiền thuế thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước và được sử dụng để trang trải các chi phí cho việc thu nộp thuế, khen thưởng cho các cá nhân tham gia thực hiện thu và nộp thuế.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thủ trưởng*

**Trương Chí Trung**



**Mẫu số 01**

(ban hành kèm theo Thông tư số  
100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng  
10 năm 2004 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG KÊ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

(Dùng cho các Công ty chứng khoán, Công ty quản lý Quỹ, Công ty cổ phần thực hiện  
khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thay cho tổ chức đầu tư có  
thu nhập từ đầu tư chứng khoán).

Tên Công ty thực hiện khấu trừ thuế: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Mã số thuế:.....

Tài khoản tiền gửi số..... mở tại ngân hàng .....

Tổng số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay: .....

.....

(chi tiết theo bảng kê dưới đây)

Số thứ tự	Ngày, tháng phát sinh thu nhập chịu thuế	Tên tổ chức đầu tư bị khấu trừ thuế	Địa chỉ tổ chức phải nộp thuế	Số thuế thu nhập doanh nghiệp bị khấu trừ	Ghi chú

Ngày..... tháng..... năm.....

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Người lập tờ khai**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nơi gửi Tờ khai:**

- Cơ quan thuế:

- Địa chỉ:

**Cơ quan thuế nhận tờ khai:**

- Ngày nhận:

- Người nhận (ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

Mẫu này được lập thành 2 bản: 01 bản gửi cơ quan thuế, 01 bản lưu tại Công ty thực hiện khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thay cho tổ chức đầu tư có thu nhập từ đầu tư chứng khoán.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng